

**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH CỦA CÔNG
DÂN VIỆT NAM VÀ LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH,
CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

Trong thời gian qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều Nghị quyết¹ để yêu cầu các cơ quan nhà nước chủ động ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với mục tiêu “Phân đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng Chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về Chính phủ điện tử, kinh tế số”². Đồng thời, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tuy nhiên, qua rà soát các quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam chưa đáp ứng được các chủ trương, chính sách của Đảng nên cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi để kịp thời thể chế hóa các chủ trương, chính sách này.

Bên cạnh đó, tại Nghị quyết số 76/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã đồng ý bổ sung thông tin “nơi sinh” vào hộ chiếu cấp cho công dân Việt Nam và giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để triển khai thực hiện; khẩn trương nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét, quyết định việc sửa đổi khoản 3 Điều 6 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định³ để

¹ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia; Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp luật Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

² Khoản 1 Mục II và khoản 1 Mục IV Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 10 năm 2021 - 2030 Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

³ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và

tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng xác định công tác cải cách hành chính phải được tiến hành một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; trong đó, một trong những nhiệm vụ, giải pháp kiến tạo thể chế xác định cần rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Chính vì vậy, việc xây dựng dự án Luật nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, đáp ứng yêu cầu của Quốc hội và tiến trình cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số của Chính phủ.

2. Căn cứ thực tiễn

Qua nghiên cứu, rà soát, tổng kết thực tiễn thi hành Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, qua cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Chính phủ thấy rằng đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế và yêu cầu của tình hình thực tiễn cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số quy định cụ thể như sau:

2.1. Đối với Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam

- Khoản 1 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 28, khoản 2 Điều 32 chưa quy định về hình thức, trình tự và thủ tục thực hiện đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông, trình báo mất hộ chiếu phổ thông hoặc khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử; do vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định về việc thực hiện đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông, trình báo mất hộ chiếu phổ thông hoặc khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử để đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện trên thực tiễn.

- Điểm a khoản 2 Điều 15 quy định giấy tờ liên quan đến cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước phải có bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi. Hiện nay, Bộ Công an đã hoàn thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, nên các cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có thể tra cứu thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, không cần thiết phải đề nghị công dân cung cấp bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi. Ngoài ra, khoản 2 Điều 28 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định thủ tục báo mất hộ chiếu của công dân chưa có quy định báo mất trên

cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

môi trường điện tử và chưa phân cấp triệt để cho Công an các cấp trong thực hiện thủ tục tiếp nhận đơn báo mất hộ chiếu của công dân. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 28 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để tạo cơ sở pháp lý thực hiện việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo các Quyết định nêu trên.

- Để tạo thuận lợi cho công dân Việt Nam xuất cảnh, cần nghiên cứu sửa đổi quy định điều kiện xuất cảnh theo hướng bỏ điều kiện về thời hạn hộ chiếu phải còn đủ từ 06 tháng trở lên.

- Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là đơn vị chủ trì ký kết thỏa thuận quốc tế trong việc tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú theo phân công của Chính phủ (Điều 45); Bộ Ngoại giao là đơn vị chủ trì trong việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú (Điều 46). Như vậy, cùng một vấn đề ký kết hợp tác quốc tế về nhận trở lại công dân nhưng có 02 Bộ chủ trì, cùng một nội dung về hợp tác quốc tế trong tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú lại do 02 cơ quan thực hiện, như vậy, nội dung này không phù hợp với chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW⁴ về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Bên cạnh đó, trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, cơ quan thực hiện ủy quyền ký kết lại không phải cơ quan đầu mối thực hiện hoạt động nhận trở lại công dân. Chính vì vậy, cần điều chỉnh quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để phù hợp với chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, đồng thời, bảo đảm tính kịp thời, bám sát thực tiễn.

- Theo quy định của pháp luật hiện hành, chức vụ ngoại giao của Phó Tùy viên Quốc phòng tương đương Bí thư thứ nhất là cấp hàm ngoại giao được cấp hộ chiếu ngoại giao. Thực tiễn hoạt động đối ngoại quốc phòng, Phó Tùy viên Quốc phòng của các nước đều mang hàm ngoại giao (được cấp hộ chiếu ngoại giao), nằm trong danh sách ngoại giao đoàn tham gia các hoạt động ngoại giao tại địa bàn. Việc Phó Tùy viên Quốc phòng Việt Nam không được cấp hộ chiếu ngoại giao đồng nghĩa với việc không được thừa nhận có hàm ngoại giao để tham gia các hoạt động đối ngoại như Phó Tùy viên Quốc phòng các nước khác. Điều này gây khó khăn cho Phó Tùy viên Quốc phòng Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ đối ngoại Quốc phòng, đồng thời ảnh hưởng đến vai trò, vị thế của Cơ quan Tùy viên Quốc phòng Việt Nam ở nước ngoài. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để đảm bảo phù hợp với thực tế công tác của Cơ quan Tùy viên Quốc phòng Việt Nam ở nước ngoài.

⁴ Tiết 2.2 mục 2 Phần III Nghị quyết số 18-NQ/TW nêu rõ “Khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính”.

- Thời gian qua, tình trạng công dân đề nghị cấp hộ chiếu khi đến hạn nhận kết quả nhưng không đến nhận hộ chiếu (không đề nghị trả hộ chiếu qua bưu chính công ích) dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác trả hộ chiếu cho công dân, cũng như việc quản lý hộ chiếu đã cấp cho công dân mà không đến nhận (từ ngày 01/7/2020 đến ngày 24/3/2023 đã có 975 trường hợp công dân đã được cấp hộ chiếu nhưng không nhận kết quả). Do vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định về việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông (Điều 27) đối với các trường hợp đã được cấp hộ chiếu mà không đến nhận kết quả để bảo đảm hiệu quả công tác cấp giấy tờ xuất nhập cảnh nói riêng, công tác quản lý xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam nói chung.

- Các Điều 17 và Điều 18 đã quy định về các trường hợp, trình tự, thủ tục được cấp hộ chiếu rút gọn, tuy nhiên, chưa bao hàm được nhiều diện đối tượng không có hộ chiếu mà cần về nước ngay, như: người không được phía nước ngoài cho cư trú, nạn nhân mua bán người, ngư dân... Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về việc cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, cũng như phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2.2. Đối với Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

- Qua thực tiễn thi hành cho thấy Luật đã có những quy định góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nước ngoài vào Việt Nam du lịch, đầu tư..., trong đó, đặc biệt là việc luật hóa chính sách thị thực điện tử sau thời gian thực hiện thí điểm. Tuy nhiên, Luật có hiệu lực thi hành vào thời điểm cả thế giới phải đối mặt với đại dịch Covid-19, Việt Nam đang áp dụng các biện pháp đặc biệt nhằm tăng cường phòng chống dịch, do đó, hiệu quả trong việc đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của các chính sách còn hạn chế.

Từ ngày 15/3/2022, sau khi Chính phủ khôi phục các chính sách xuất nhập cảnh, cho phép mở cửa du lịch sau đại dịch Covid-19, các hoạt động xuất nhập cảnh đã dần trở lại trạng thái bình thường, lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam trong năm 2022 tăng gấp 6,6 lần so với năm 2021 nhưng vẫn còn rất thấp so với thời điểm trước dịch, chỉ bằng 32,6% so với năm 2019. Đến nay, dịch bệnh Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát, nhiều nước đã gỡ bỏ các biện pháp phòng chống dịch nhằm phục hồi nền kinh tế, tuy nhiên hậu quả của đại dịch đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động cơ bản trên tất cả các lĩnh vực, nhất là ngành du lịch. Số lượng người nước ngoài đến Việt Nam không đạt được mục tiêu đón 5 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2022 của ngành du lịch, trong khi, khách quốc tế là thị phần khách có đóng góp lớn vào cơ cấu doanh thu của ngành du lịch (3 năm trước dịch Covid-19, số lượng khách quốc tế đến Việt Nam bình quân chỉ bằng 1/5 khách nội địa nhưng đóng góp khoảng 58% tổng thu nhập từ khách du lịch). Việc sụt giảm lượng khách du lịch quốc tế so với thời gian trước dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến toàn bộ ngành du lịch và các ngành dịch vụ liên quan như vận chuyển (hàng không, đường bộ,...), lưu trú... đều giảm mạnh nguồn thu.

Từ cuối năm 2022 đến nay, tại các Hội nghị, Hội thảo, Diễn đàn về du

lịch, các cơ quan quản lý nhà nước, các Cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, Hiệp hội thương mại, doanh nghiệp nước ngoài, các doanh nghiệp hàng không, lữ hành,... có nhiều kiến nghị cần thông thoáng hơn trong chính sách thị thực của Việt Nam nhằm góp phần nâng cao tính cạnh tranh, thu hút khách du lịch quốc tế trong thời gian tới.

Trước bối cảnh đó, Chính phủ đã đưa ra các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phục hồi du lịch, kinh tế xã hội; trong đó, có nhiệm vụ “tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế” và giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đánh giá, đề xuất sửa đổi quy định pháp luật về xuất nhập cảnh, báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nước ngoài về thủ tục, thời gian, số lượt nhập cảnh, số ngày lưu trú tại Việt Nam nhằm thu hút khách du lịch quốc tế.

Việc tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập xuất cảnh cho khách du lịch quốc tế cũng nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo Quốc hội. Ngày 31/3/2023, tại buổi làm việc với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc nghiên cứu, đề xuất bổ sung các nhiệm vụ lập pháp nhằm đáp ứng yêu cầu hoàn thiện đồng bộ thể chế trong lĩnh vực văn hóa theo yêu cầu tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đã có ý kiến chỉ đạo phải gấp rút giải quyết những vướng mắc về “visa” và định hướng báo cáo, đề xuất Quốc hội ngay trong kỳ họp tới để có thể sớm áp dụng các chính sách thị thực thông thoáng vào thực tiễn nhằm góp phần tháo gỡ, kích cầu du lịch.

Qua thời gian triển khai cấp thị thực điện tử, từ giai đoạn thí điểm năm 2017 đến nay, Chính phủ đánh giá cao chính sách thị thực điện tử với thủ tục hành chính công ở mức độ cao nhất, có tính cạnh tranh vượt trội so với chính sách thị thực của các nước trong khu vực và thế giới về sự thuận tiện, thông thoáng, công khai và minh bạch, không qua khâu trung gian... Bên cạnh đó, việc cấp thị thực điện tử được thực hiện qua xét duyệt trước của Bộ Công an, do đó, so với đơn phương miễn thị thực, việc cấp thị thực điện tử đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Sau khi Chính phủ khôi phục chính sách xuất nhập cảnh như trước giai đoạn dịch Covid-19, số lượng cấp thị thực điện tử tăng gấp 46,6 lần so với cùng kỳ thời gian trước dịch Covid-19.

Theo quy định của Luật hiện hành, thị thực điện tử có giá trị một lần, thời hạn không quá 30 ngày, áp dụng đối với công dân các nước do Chính phủ quyết định trên cơ sở đáp ứng đủ điều kiện: có quan hệ ngoại giao với Việt Nam; phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của Việt Nam trong từng thời kỳ; không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam.

Để phát huy hơn nữa những kết quả tích cực đã đạt được của chính sách thị thực điện tử, Chính phủ nhận thấy cần nghiên cứu mở rộng chính sách thị thực điện tử cả về đối tượng, thời hạn và giá trị, cụ thể:

- (i) Tạo cơ sở pháp lý để có thể thực hiện chủ trương áp dụng cấp thị thực

điện tử cho công dân các nước, vùng lãnh thổ trên thế giới nếu không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và phù hợp các chính sách phát triển của Việt Nam; nhằm mở rộng đối tượng được thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện thu hút nhiều hơn nữa người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam;

(ii) Nâng thời hạn của thị thực điện tử để đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng dài ngày của khách du lịch quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài muốn vào Việt Nam nghiên cứu, khảo sát thị trường, tìm kiếm, xúc tiến đầu tư;

(iii) Quy định thị thực điện tử có giá trị một lần hoặc nhiều lần thay vì chỉ có giá trị một lần như Luật hiện hành. Việc cho phép được lựa chọn đề nghị cấp thị thực điện tử giá trị nhiều lần giúp người nước ngoài chủ động hơn trong các lần nhập, xuất cảnh, góp phần giảm tải thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí, nhất là đối với số người có nhu cầu đi lại thường xuyên giữa các quốc gia để khảo sát thị trường, xúc tiến đầu tư, ký kết hợp đồng, kiểm tra chất lượng sản phẩm...; đồng thời, giá trị nhiều lần cũng phù hợp với việc đề xuất nâng thời hạn của thị thực điện tử.

Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực, theo quy định của Luật hiện hành, khi nhập cảnh được cấp chứng nhận tạm trú 15 ngày. Theo ngành du lịch, nhóm du khách từ Châu Âu đến Việt Nam thường theo kỳ nghỉ dài từ 15 ngày trở lên và có xu hướng lựa chọn những chương trình du lịch nghỉ dưỡng, xuyên Việt và liên quốc gia. Do đó, Chính phủ thấy cần nghiên cứu nâng thời hạn tạm trú đối với người nhập cảnh diện đơn phương miễn thị thực để tạo thuận lợi hơn nữa cho khách du lịch quốc tế, giúp họ chủ động thời gian, lịch trình tham quan, nghỉ dưỡng, góp phần nâng cao tính cạnh tranh trong khu vực.

Với việc tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh, dự báo lượng người nước ngoài nhập cảnh sẽ tăng, đặc biệt, số người nhập cảnh bằng thị thực điện tử, miễn thị thực (không có cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh) sẽ ngày càng nhiều, đòi hỏi công tác quản lý cư trú của người nước ngoài phải được tăng cường hơn nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng chính sách nhập xuất cảnh thông thoáng của Việt Nam để hoạt động vi phạm pháp luật. Do đó, bên cạnh việc nghiên cứu, sửa đổi một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho khách du lịch, chuyên gia, nhà đầu tư nước ngoài... vào Việt Nam nhằm góp phần thúc đẩy du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 như đã nêu ở trên, cần thiết bổ sung, sửa đổi một số quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý.

Từ những lý do trên, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam là hết sức cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT HƯỚNG TỚI

1. Quan điểm xây dựng Luật

1.1. Bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam trong việc cấp giấy tờ xuất nhập cảnh và người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam;

1.2. Hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào tìm hiểu thị trường, đầu tư.

2. Mục tiêu chính sách

2.1. Tiếp tục thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, tạo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật của Nhà nước và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

2.2. Kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp với thực tiễn và giải quyết những vấn đề cần điều chỉnh để góp phần thực hiện tốt hơn đường lối đối ngoại, phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội;

2.3. Đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam trong việc cấp giấy tờ xuất nhập cảnh và người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam; góp phần phát triển kinh tế - xã hội; vừa bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục của Luật

Luật gồm 03 điều, cụ thể:

- Điều 1 sửa đổi 15 điều, khoản của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.

- Điều 2 sửa đổi 10 điều, khoản của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Điều 3 quy định về hiệu lực thi hành.

2. Các nội dung cơ bản của Luật

2.1. Về phạm vi, đối tượng áp dụng

Phạm vi, đối tượng áp dụng của Luật không thay đổi so với Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

2.2. Nội dung chính sách và quy định mới của Luật

Luật được xây dựng trên cơ sở các chính sách: (i) Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện quy định về việc thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh trên môi trường điện tử; (ii) Tạo điều kiện thuận lợi cho

công dân Việt Nam trong việc xin thị thực nhập cảnh nước ngoài, cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam; và đồng bộ thống nhất của hệ thống pháp luật; (iii) Hoàn thiện quy định của pháp luật tiếp tục tạo điều kiện hơn nữa cho người nước ngoài nhập xuất cảnh Việt Nam và (iv) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú người nước ngoài tại Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở các chính sách trên Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quy định cụ thể như sau:

2.2.1. Sửa đổi, bổ sung 15 điều, khoản của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019

Thứ nhất, nhóm nội dung để cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện quy định về việc thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh trên môi trường điện tử (tương ứng Chính sách 1 trong đề nghị xây dựng Luật).

Một là, về hình thức thực hiện các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam:

Bổ sung khoản 9 vào Điều 15, sửa đổi khoản 2 Điều 28, sửa đổi khoản 2 Điều 32, bổ sung khoản 13 vào Điều 45 để bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử đối với thủ tục đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông, báo mất hộ chiếu phổ thông, khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông, quy định Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam trên môi trường điện tử nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc đề nghị cấp hộ chiếu, trình báo mất hộ chiếu và khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử.

Hai là, về trình tự thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông:

- Đối với thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước:

+ Sửa đổi khoản 2 Điều 15 để bãi bỏ quy định nộp bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất và bãi bỏ quy định nộp Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi đã được cấp mã số định danh cá nhân.

Những trường hợp trên đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan cấp hộ chiếu có thể khai thác được, do vậy, không cần yêu cầu công dân phải nộp.

+ Bãi bỏ quy định nộp đơn trình báo mất hộ chiếu đối với trường hợp hộ chiếu hết hạn bị mất, khi đề nghị cấp lại hộ chiếu.

- Đồng thời, Luật cũng đã sửa đổi khoản 1 Điều 16 và bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 16 quy định thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài để đảm bảo phù hợp với các nội dung đã sửa đổi, bổ sung về thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước và thực tiễn.

Thứ hai, nhóm nội dung sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc xin thị thực nhập cảnh nước ngoài, cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật (tương ứng Chính sách 2 trong đề nghị xây dựng Luật).

Một là, về giấy tờ xuất nhập cảnh:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 6 để bổ sung giấy tờ khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên là một trong những giấy tờ xuất nhập cảnh đảm bảo phù hợp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật khác (như Luật Căn cước công dân) và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 6 để bổ sung thông tin “nơi sinh” trên giấy tờ xuất nhập cảnh. Theo Nghị quyết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá XV, thông tin nơi sinh đã được bổ sung vào hộ chiếu, tuy nhiên, giấy tờ xuất nhập cảnh còn bao gồm cả Giấy thông hành, do vậy Luật cần quy định bổ sung thông tin “nơi sinh” trên giấy tờ xuất nhập cảnh nói chung. Đồng thời, Luật số 23 bổ sung quy định “Thông tin khác do Chính phủ quy định” để đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với thực tiễn trong từng thời kỳ.

Hai là, về đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao: sửa đổi khoản 11 Điều 8 để bổ sung quy định người giữ các chức vụ Tùy viên Quốc phòng và Phó Tùy viên Quốc phòng tại cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn thường trực tại các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài thuộc trường hợp được cấp hộ chiếu ngoại giao nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế công tác của cơ quan Tùy viên quốc phòng.

Ba là, về cấp hộ chiếu phổ thông theo trình tự thủ tục rút gọn: sửa đổi khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18 để sửa đổi các quy định về trình tự, thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông theo trình tự, thủ tục rút gọn đối với các trường hợp không được nước ngoài cho cư trú nhưng không thuộc đối tượng của các điều ước quốc tế, thoả thuận về nhận trở lại công dân giữa Việt Nam với các nước. Theo đó, đối với trường hợp vì lý do nhân đạo, khẩn cấp, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có thể xem xét, cấp hộ chiếu nếu đủ cơ sở xác định nhân thân, quốc tịch; đối với trường hợp khác gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh để xác minh.

Bốn là, về hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông: thời gian qua, tình trạng công dân đề nghị cấp hộ chiếu khi đến hạn nhận kết quả nhưng không đến nhận hộ chiếu đã dẫn đến nhiều khó khăn trong việc quản lý hộ chiếu đã cấp cho công dân; do vậy, Luật đã sửa đổi khoản 1 Điều 27 và bổ sung Điều 28a vào sau Điều 28 để bổ sung quy định về việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông đối với các trường hợp đã được cấp hộ chiếu mà không nhận kết quả. Theo đó, sau 12 tháng kể từ ngày cơ quan chức năng hẹn trả hộ chiếu mà công dân không nhận và không có thông báo bằng văn bản cho cơ quan chức năng về lý do chưa nhận thì cơ quan cấp hộ chiếu thực hiện việc hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu.

Năm là, về điều kiện xuất cảnh của công dân: sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 33 để bãi bỏ quy định về việc hộ chiếu còn hạn 06 tháng mới được xuất cảnh vì theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, hộ chiếu còn hạn 06 tháng mới được xuất cảnh, để phòng phía nước ngoài không cho nhập cảnh; tuy nhiên, quy định này đôi khi gây khó khăn cho công dân, đặc biệt đối với các trường hợp mặc dù có hộ chiếu hạn không đủ 06 tháng nhưng có thị thực nhập cảnh nước ngoài hoặc được định cư ở nước ngoài vẫn được phía nước ngoài cho nhập cảnh.

Sáu là, về thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam: sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 41 để bổ sung quy định thông tin “nơi sinh” là một trong các thông tin được thu thập, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để đảm bảo thống nhất với nội dung bổ sung thông tin “nơi sinh” trên giấy tờ xuất nhập cảnh.

Bảy là, về việc đề xuất ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế liên quan đến nhận trở lại công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú: Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định Bộ Ngoại giao là cơ quan chủ trì ký kết điều ước quốc tế về nhận trở lại công dân và Bộ Công an chủ trì ký thoả thuận quốc tế về nhận trở lại công dân, như vậy cùng một nội dung (hợp tác về nhận trở lại công dân) giao cho 02 cơ quan chủ trì thực hiện; bên cạnh đó, Bộ Công an là cơ quan chủ trì thực hiện các điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế về nhận trở lại công dân. Do vậy, để giải quyết bất cập trên, Luật đã sửa đổi Điều 45 và Điều 46 để quy định Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng đề xuất ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế liên quan đến tiếp nhận công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú; phối hợp Bộ Ngoại giao đề xuất ký kết điều ước quốc tế liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

Bên cạnh đó, Luật đã sửa đổi Điều 49 để quy định trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ để đảm bảo thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.2.2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung 2019)

Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho khách du lịch, chuyên gia, nhà đầu tư nước ngoài... vào Việt Nam, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý. Theo đó, Luật số 23 đã sửa đổi, bổ sung 10 điều, khoản (trong đó có 01 khoản sửa tên chương của Luật) của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), chia thành các nội dung sau:

Thứ nhất, nhóm nội dung sửa đổi các quy định của Luật để tiếp tục tạo điều kiện hơn nữa cho người nước ngoài nhập, xuất cảnh Việt Nam (tương ứng Chính sách 3 trong đề nghị nghị xây dựng Luật)

Một là, sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thị thực điện tử:

Để phát huy hơn nữa những kết quả tích cực đã đạt được của chính sách thị thực điện tử, Luật đã sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 và khoản 1, 2, 3, 4 Điều 9 và Điều 19a Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam bằng thị thực điện tử, trong đó:

- Nâng thời hạn của thị thực điện tử từ 30 ngày lên không quá 90 ngày để đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng dài ngày của khách du lịch quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài muốn vào Việt Nam nghiên cứu, khảo sát thị trường, tìm kiếm, xúc tiến đầu tư.

- Quy định thị thực điện tử có giá trị một lần hoặc nhiều lần (quy định trước đây: thị thực điện tử có giá trị một lần). Việc cho phép được lựa chọn đề nghị cấp thị thực điện tử giá trị nhiều lần giúp người nước ngoài chủ động hơn trong các lần nhập, xuất cảnh, góp phần giảm tải thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí, nhất là đối với số người có nhu cầu đi lại thường xuyên giữa các quốc gia để khảo sát thị trường, xúc tiến đầu tư, ký kết hợp đồng, kiểm tra chất lượng sản phẩm...; đồng thời, giá trị nhiều lần cũng phù hợp với việc đề xuất nâng thời hạn của thị thực điện tử.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về diện được áp dụng cấp thị thực điện tử để mở rộng cấp thị thực điện tử cho công dân các nước, vùng lãnh thổ và giao Chính phủ quyết định danh sách các nước, vùng lãnh thổ trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phù hợp với chính sách đối ngoại và phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam. Việc sửa đổi, bổ sung quy định này tạo cơ sở pháp lý để có thể thực hiện chủ trương áp dụng cấp thị thực điện tử cho công dân các nước, vùng lãnh thổ trên thế giới nếu không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và phù hợp các chính sách phát triển của Việt Nam; nhằm mở rộng đối tượng được thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện thu hút nhiều hơn nữa người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.

- Thống nhất và đảm bảo cách tính thời gian cấp thị thực từ “tháng” sang “ngày” áp dụng với thị thực có thời hạn dưới 12 tháng; đối với thị thực có thời hạn “12 tháng” được quy định thành “01 năm”.

Hai là, sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến đơn phương miễn thị thực:

Luật đã sửa đổi, bổ sung Điều 31 để nâng thời hạn tạm trú từ 15 ngày lên 45 ngày đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực và được xem xét giải quyết cấp thị thực, gia hạn tạm trú theo các quy định khác của Luật. Việc nâng thời hạn tạm trú đối với người nhập cảnh diện đơn phương miễn thị thực để tạo thuận lợi hơn nữa cho khách du lịch quốc tế, nhất là du khách từ Châu Âu đến Việt Nam thường theo kỳ nghỉ dài từ 15 ngày trở lên và có xu hướng lựa chọn những chương trình du lịch nghỉ dưỡng, xuyên Việt và

liên quốc gia, giúp họ chủ động thời gian, lịch trình tham quan, nghỉ dưỡng, góp phần nâng cao tính cạnh tranh trong khu vực.

Thứ hai, nhóm nội dung sửa đổi để quản lý cư trú người nước ngoài tại Việt Nam, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội (tương ứng Chính sách 4 trong đề nghị xây dựng Luật).

Bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho khách du lịch, chuyên gia, nhà đầu tư nước ngoài... vào Việt Nam nhằm góp phần thúc đẩy du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý cư trú của người nước ngoài nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng chính sách nhập xuất cảnh thông thoáng của Việt Nam để hoạt động vi phạm pháp luật, cụ thể:

Một là, sửa đổi, bổ sung quy định về khai báo tạm trú như sau, theo đó sửa đổi, bổ sung Điều 33, khoản 2 Điều 34 và bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 2 Điều 44 để:

- Bổ sung trách nhiệm của Cơ sở lưu trú yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý người nước ngoài tạm trú.

- Bổ sung quy định trường hợp đồn, trạm Biên phòng tiếp nhận khai báo tạm trú của người nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì đồn, trạm Biên phòng có trách nhiệm thông báo ngay cho Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú.

- Sửa đổi, bổ sung quy định cách thực hiện việc khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua môi trường điện tử hoặc phiếu khai báo tạm trú (trước đây quy định cơ sở lưu trú du lịch là khách sạn phải nối mạng Internet).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian thực hiện thông báo thông tin khai báo tạm trú của người nước ngoài tại cơ sở lưu trú trong khu vực biên giới hoặc thị trấn, thị xã, thành phố, khu du lịch, dịch vụ, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, khu kinh tế khác có liên quan đến khu vực biên giới. Theo đó, cơ quan tiếp nhận khai báo tạm trú có trách nhiệm thông báo ngay cho đồn, trạm Biên phòng nơi có cơ sở lưu trú.

- Sửa đổi, bổ sung nghĩa vụ của người nước ngoài trong việc xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định.

Hai là, bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan hoạt động của người nước ngoài cư trú tại Việt Nam (bổ sung Điều 45a), theo đó:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch cho người nước ngoài hoặc cho người nước ngoài tạm trú khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất; trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm trong khu vực biên giới phải thông báo ngay cho cơ quan Công an hoặc đồn, trạm Biên phòng nơi gần nhất.

Ngoài ra, để tạo cơ sở cho Bộ Công an hướng dẫn việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam trên môi trường điện tử, Luật đã bổ sung khoản 11 vào sau khoản 10 Điều 47 quy định về trách nhiệm của Bộ Công an “Hướng dẫn việc cấp giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam và khai báo tạm trú cho người nước ngoài trên môi trường điện tử”.

2.2.3. Quy định cụ thể về thời điểm Luật có hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

- Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

- Giấy tờ xuất nhập cảnh đã cấp cho công dân trước ngày Luật có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trong giấy tờ đó.

- Trường hợp công dân đề nghị cấp giấy tờ xuất nhập cảnh nhưng chưa được cấp khi Luật có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 để giải quyết.

- Trường hợp người nước ngoài đã được cấp thị thực điện tử hoặc nhập cảnh theo đơn phương miễn thị thực hoặc đề nghị cấp thị thực điện tử nhưng chưa được cấp khi Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN LUẬT

Để bảo đảm triển khai thi hành Luật cần bảo đảm các nguồn lực sau đây:

Thứ nhất, kinh phí để xây dựng, nâng cấp hệ thống phần mềm tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng điện tử; trang bị máy tính, bảo mật, chữ ký số cho các đơn vị, cá nhân có chức năng giải quyết thủ tục hành chính gần 200 tỷ đồng; tuy nhiên, hiện nay để triển khai thực hiện Quyết định số 10695/QĐ-BCA ngày 25/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cung cấp trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an năm 2022 (được thay thế bởi Quyết định số 430/QĐ-BCA ngày 26/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần cung cấp trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an), Bộ Công an đã và đang triển khai thực hiện dự án này nên về bản chất sẽ không phát sinh chi phí này đối với ngân sách nhà nước.

Thứ hai, việc triển khai thi hành Luật phát sinh kinh phí: Ban hành, in ấn, cấp phát biểu mẫu, giấy tờ và các tài liệu phục vụ công tác thi hành Luật; phổ biến Luật sau khi được Quốc hội thông qua (tổ chức phổ biến cho các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân, Công an 63 tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan) và kinh phí xây dựng các văn bản quy định chi tiết, biện pháp thi hành Luật ước tính khoảng 02 tỷ đồng được lấy từ nguồn 20% phí xuất nhập cảnh được trích lại.

Thứ ba, Để bảo đảm triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Quốc hội thông qua, về cơ bản, vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện hành, không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước; do vậy không làm phát sinh về nhân lực để triển khai thi hành Luật.

V. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ XÃ HỘI, NHỮNG VẤN ĐỀ NGƯỜI DÂN CẦN LƯU Ý KHI THỰC HIỆN

Luật được xây dựng dựa trên cơ sở 04 Chính sách như đã nêu ở mục III, theo đó các chính sách này được dự báo sẽ có một số tác động đến người dân, xã hội như sau:

1. Đối với nhà nước

Thứ nhất, đối với các chính sách liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (Chính sách 1, Chính sách 2)

- Góp phần phòng, chống lãng phí thông qua việc tận dụng các nguồn lực đã đầu tư để thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ sở dữ liệu.

- Tiết kiệm chi phí tuân thủ khi thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Tạo được dư luận tốt trong nước cũng như trong mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới; chủ động, tích cực trong việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, thể hiện thiện chí hợp tác, góp phần làm sâu sắc thêm các mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước; đồng thời khẳng định trách nhiệm của Việt Nam trong phòng chống di cư bất hợp pháp tạo dấu ấn tốt đẹp trong cộng đồng quốc tế.

- Việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý giải quyết vấn đề nhận trở lại công dân một cách nhanh chóng, hiệu quả sẽ giúp tăng cường phòng chống di cư trái phép, ngăn chặn các đường dây đưa người di cư bất hợp pháp, giúp giảm thiểu rủi ro đối với công dân Việt Nam, góp phần ổn định trật tự xã hội.

Thứ hai, đối với các chính sách liên quan đến nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Chính sách 3, Chính sách 4)

- Góp phần phòng, chống lãng phí thông qua việc sử dụng hết các nguồn lực đã đầu tư nhằm thực hiện chính sách này theo Nghị quyết số 30/2016/QH14, nhất là Hệ thống xét duyệt, cấp thị thực điện tử được xây dựng theo hai lớp Hệ thống trong và Hệ thống ngoài.

- Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực, theo quy định của Luật hiện hành, khi nhập cảnh được cấp chứng nhận tạm trú

tại cửa khẩu 15 ngày. Theo ngành du lịch, khách du lịch, nhất là nhóm du khách từ các thị trường xa như châu Âu đến Việt Nam theo kỳ nghỉ dài từ 15 ngày trở lên và có xu hướng lựa chọn những chương trình du lịch nghỉ dưỡng, xuyên Việt và liên quốc gia. Do vậy, quy định tăng cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực sẽ nâng cao tính cạnh tranh của Ngành du lịch trong khu vực của Việt Nam.

- Tạo điều kiện thuận lợi để Chính phủ quyết định mở rộng danh sách công dân các nước, vùng lãnh thổ được cấp thị thực điện tử nhập cảnh Việt Nam, góp phần phát triển kinh doanh thương mại, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, đặc biệt là các trường hợp là tội phạm quốc tế, truy nã của các nước... góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức các nhân có liên quan trong công tác quản lý hoạt động, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong công tác quản lý hoạt động, cư trú của người nước ngoài, từ đó góp phần hạn chế tình trạng người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam.

2. Đối với tổ chức, cá nhân

Thứ nhất, đối với các chính sách liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (Chính sách 1, Chính sách 2)

- Người dân sẽ được giảm chi phí đi lại, không phải trực tiếp đến Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh để thực hiện các thủ tục hành chính cấp hộ chiếu phổ thông hoặc trình báo mất hộ chiếu phổ thông hoặc đề nghị khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông; giảm được các giấy tờ, thuận lợi khi thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, tiết kiệm thời gian, chi phí văn phòng phẩm.

- Việc thực hiện các thủ tục đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông hoặc trình báo mất hộ chiếu phổ thông hoặc khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông trên môi trường điện tử sẽ tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho người dân, giảm khâu trung gian để hạn chế tiêu cực, sách nhiễu, phiền hà; minh bạch hóa các thủ tục hành chính, người dân có thể theo dõi, giám sát được tình trạng hồ sơ đã nộp trên Cổng dịch vụ công.

- Tạo thuận lợi cho công dân trong việc xin thị thực, nhập cảnh, cư trú và làm các thủ tục liên quan ở các nước có yêu cầu in thông tin nơi sinh trong hộ chiếu, giảm thiểu được các chi phí không cần thiết (ví dụ: các chi phí đề công chứng các loại giấy tờ chứng minh nơi sinh theo yêu cầu của cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam như các nước thuộc khối Châu Âu, Hoa Kỳ...).

Thứ hai, đối với các chính sách liên quan đến nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Chính sách 3, Chính sách 4)

- Giảm chi phí cho việc thực hiện thủ tục hành chính đề nghị cấp thị thực (không phải thị thực điện tử) có thời hạn đến 03 tháng. Bên cạnh đó, thời hạn thị thực điện tử nâng từ 30 ngày lên không quá 03 tháng sẽ đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng dài ngày của khách du lịch quốc tế, nhất là nhóm du khách từ thị trường xa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài muốn vào Việt Nam nghiên cứu, khảo sát thị trường, tìm kiếm, xúc tiến đầu tư. Thời hạn thị thực điện tử lên không quá 03 tháng phù hợp với thời gian lưu trú đối với người nước ngoài chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại, người chào bán dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng theo cam kết của Việt Nam tại các Hiệp định FTA như Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực RCEP.

- Quy định nâng thời hạn cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực và quy định thị thực điện tử có giá trị một lần hoặc nhiều lần cho phép người nước ngoài lựa chọn giá trị thị thực nhằm chủ động hơn trong các lần nhập, xuất cảnh góp phần giảm tải thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người nước ngoài, nhất là các trường hợp có nhu cầu đi lại thường xuyên giữa các quốc gia để khảo sát thị trường, xúc tiến đầu tư, ký kết hợp đồng, kiểm tra chất lượng sản phẩm...

- Nâng cao trách nhiệm của người nước ngoài trong việc thực hiện khai báo tạm trú, cung cấp thông tin để cơ sở lưu trú thực hiện việc khai báo tạm trú.

- Nâng cao trách nhiệm của cơ sở lưu trú trong việc tiếp nhận thông tin về hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam ngay khi người nước ngoài đến cơ sở lưu trú nhằm kịp thời phát hiện sớm các hành vi vi phạm của người nước ngoài, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động, cư trú của người nước ngoài, kịp thời cung cấp cho cơ quan chức năng các trường hợp người nước ngoài có dấu hiệu vi phạm pháp luật, từ đó kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp người nước ngoài vi phạm pháp luật, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

3. Một số vấn đề người dân cần chú ý khi thực hiện

Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan trực tiếp đến công dân, người nước ngoài và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Do vậy, để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong triển khai thi hành Luật từ ngày 15/8/2023, cần chú ý một số nội dung sau:

3.1. Đối với công dân Việt Nam

- Đối với các giấy tờ xuất nhập cảnh đã cấp cho công dân trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trong giấy tờ đó; theo đó, công dân Việt Nam đã được cấp hộ chiếu, giấy thông hành trước khi Luật có hiệu lực thì sẽ được tiếp tục sử dụng đến khi hết hạn sử dụng ghi trong hộ chiếu, giấy thông hành đó.

- Công dân chưa đủ 14 tuổi đã được cấp mã số định danh, không cần nộp kèm theo bản sao Giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh khi đề nghị cấp hộ

chiếu phổ thông.

- Công dân Việt Nam khi xuất cảnh Việt Nam không cần phải đáp ứng đủ điều kiện hộ chiếu phải còn thời hạn từ đủ 06 tháng trở lên.

- Sau 12 tháng kể từ ngày cơ quan chức năng hẹn trả hộ chiếu mà công dân không nhận và không có thông báo bằng văn bản cho cơ quan chức năng về lý do chưa nhận thì cơ quan cấp hộ chiếu thực hiện việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu.

3.2. Đối với người nước ngoài

- Người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo diện đơn phương miễn thị thực được cấp chứng nhận tạm trú 45 ngày.

- Thị thực điện tử cấp cho người nước ngoài có thời hạn không quá 90 ngày, có giá trị một lần hoặc nhiều lần.

- Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam phải có trách nhiệm xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định.

3.3. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

- Cơ sở lưu trú có trách nhiệm yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ liên quan đến cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý cho người nước ngoài tạm trú.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch cho người nước ngoài hoặc cho người nước ngoài tạm trú khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất; trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm trong khu vực biên giới phải thông báo ngay cho cơ quan Công an hoặc đồn, trạm Biên phòng nơi gần nhất.

VI. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG THI HÀNH LUẬT

Để triển khai thi hành Luật, Bộ Công an đã:

1. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định ban hành Kế hoạch, Bộ Công an sẽ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trong Công an nhân dân, theo đó sẽ tập trung vào công tác phổ biến, hướng dẫn thực hiện Luật cho công dân, người nước ngoài, Công an các đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số mẫu giấy tờ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung

một số điều tại Thông tư số 57/2020/TT-BCA (Thông tư số 22/2023/TT-BCA ngày 30/6/2023).

3. Ban hành Thông tư quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan (Thông tư số 31/2023/TT-BCA ngày 20/7/2023).

4. Trao đổi Bộ Tài chính về phương án và nội dung sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07/4/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

5. Trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng cấp thị thực điện tử cho công dân các nước, vùng lãnh thổ; các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử.

6. Triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an; theo đó, hiện nay việc triển khai thực hiện cấp hộ chiếu phổ thông ở dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an đã đi vào ổn định, đạt hiệu quả cao, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, được người dân và các cơ quan, đơn vị đồng tình, ủng hộ và đánh giá cao (hiện tỷ lệ người dân đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông trực tuyến đạt khoảng 90% tổng số hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông). Đồng thời, chuẩn bị đầy đủ điều kiện (giao diện, chức năng của Cổng dịch vụ công Bộ Công an, hệ thống phần mềm...), ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình điện tử để sẵn sàng cung cấp dịch vụ cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an từ ngày 15/8/2023.
